ĐẠO CAO ĐÀI TRONG PHÁT TRIỂN KINH TẾ - NHÌN TỪ GÓC ĐỘ GIÁO LÍ

ĐINH HỒNG PHÚC(*)

Tôn giáo và kinh tế là hai lĩnh vực xã hội khác nhau đến mức giữa chúng khó có điểm gặp, bởi lẽ con đường tôn giáo dẫn đến thế giới tâm linh, con đường kinh tế hướng về vương quốc của sự phồn vinh vật chất. Chính từ đặc điểm ấy mà nhiều người đã không thấy được mối quan hệ của chúng, nhất là vấn đề liệu tôn giáo có đóng góp cho sự phát triển kinh tế hay không. Điều này được phản ánh trong sự phân tích xác đáng của Gandhi: "Ngay cả ngày nay cũng có những người bạn thương gia cho rằng sự chân thật không thể đi đôi với công việc làm ăn. Họ nói việc thương mại là công việc rất thực tiễn và chân lí là một vấn đề của tôn giáo; rồi họ lí luận rằng công việc thực tế là một chuyện mà tôn giáo lại là chuyện khác"(1).

Tuy nhiên, quá trình toàn cầu hóa kinh tế kéo theo một loạt các vấn đề cần nhìn nhận lại, trong đó quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế là một trong những vấn đề thu hút nhiều sự quan tâm. Trên toàn cảnh, quá trình hiện đại kinh tế và xã hội biến thành một xu thế toàn cầu thì đồng thời sự hồi sinh của tôn giáo trên toàn cầu cũng bắt đầu(2). Ngay trong khu vực các nước Đông Á, theo Lý Quang Diệu, sự phát triển thành công về kinh tế ở đây người ta thấy có sự tham gia của nhân tố tôn giáo. Ông nói: "Nếu bạn quan sát những nước phát triển nhanh như Hàn Quốc, Thái Lan, Hồng Kông và Singapore bạn sẽ nhận thấy một hiện tượng nổi bật lên: sự trỗi dậy của tôn giáo"(3).

Mối quan hệ trên được nhà xã hội học Max Weber, và hiện nay là các nhà kinh tế học tôn giáo, khẳng định và chứng minh thuyết phục. Luận đề cơ bản của ông là những quan niệm tôn giáo thực sự là một nhân tố có ảnh hưởng quan trọng đối với các lối ứng xử kinh tế, và là một trong những nguyên nhân của những biến chuyển kinh tế của các xã hội(4). Ông cũng chỉ ra rằng đạo đức học Tin Lành thực chất là sự áp dụng các giá trị tôn giáo cho hành vi kinh tế, như lao động được coi là một nghĩa vụ đạo đức. Ngoài ra, người ta chứng minh được rằng, trong suốt chiều dài phát triển của lịch sử, nhiều tôn giáo bằng cách này hay cách khác đều có những tiếng nói của mình về các quá trình kinh tế, "tạo ra những kích thích về tinh thần cho hoạt động kinh tế và những

---

*. ThS., Trung tâm nghiên cứu Dân tộc - Tôn giáo, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

1. Gandhi (Trí Hải dịch), *Tự truyện*, Nxb. Trẻ, Tp. Hồ Chí Minh, 2004, tr. 164-165.

2. S. Huntington (Nguyễn Phương Sửu, Nguyễn Văn Hạnh, Nguyễn Phương Nam, Lưu Ánh Tuyết dịch). *Sự va chạm của các nền văn minh*, Nxb. Lao Động, Hà Nội, 2003, tr. 114.

3. S. Huntington… Sđd, tr. 117.

4. M. Weber, (Bùi Văn Nam Sơn, Nguyễn Nghị, Nguyễn Tùng, Trần Hữu Quang dịch). *Nền đạo đức Tin Lành và tinh thần của chủ nghĩa tư bản*, Nxb. Tri thức, Hà Nội, 2008, tr. 28.

tiêu chí đạo đức cho hành vi kinh tế trong xã hội"[5].

Từ những chỉ dẫn lí luận trên, ta có thể tìm thấy ở trường hợp đạo Cao Đài một số nhân tố tích cực cho sự phát triển kinh tế - xã hội vùng Nam Bộ.

Như bao tôn giáo khác, sự tác động của đạo Cao Đài đến hành vi phát triển kinh tế không diễn ra trực tiếp mà phải qua các khâu trung gian. Theo tiến trình lôgic, các nhà kinh tế học tôn giáo chỉ ra: "các đặc điểm văn hóa tác động đến các giá trị hay các niềm tin nào đó, và đến lượt nó, các niềm tin này lại tác động đến quá trình ra quyết định trong lĩnh vực kinh tế và do đó tác động đến những kết quả kinh tế"[6]. Cơ chế này là đặc trưng cho mối quan hệ giữa tôn giáo và kinh tế.

Đạo Cao Đài trước hết là một tôn giáo cởi mở. Sự cởi mở này không phải tự nhiên mà có, nó được hình thành từ chính những điều kiện tự nhiên của vùng đất Nam Bộ với những vị thế địa lí thông thoáng cho các hoạt động giao lưu của con người và từ chính những điều kiện cùng tồn tại của nhiều cộng đồng tộc người khác nhau với những sắc thái văn hóa, tín ngưỡng hết sức đa dạng. Tinh thần cởi mở của đạo Cao Đài biểu hiện rõ nét trong xu hướng tổng hợp các tôn giáo hiện hữu vào một thực thể tôn giáo duy nhất với một vị Thượng Đế duy nhất, do đó giáo lí của nó là sự tổng hợp những gì mà đạo Cao Đài cho là tinh túy nhất của tất cả mọi tôn giáo. Chính từ đặc điểm này mà các tín đồ Cao Đài có thái độ chân tình rộng mở đối với những người không thuộc tôn giáo mình; bởi lẽ trong nhãn quan họ các giáo chủ tôn giáo là những hiện thân khác nhau của vị Thượng Đế mà họ đang tôn thờ, do đó các tín đồ thuộc các tôn giáo khác nhau không bao giờ là kẻ đối lập đối với họ. Một tác giả người Pháp nhận xét: "Đạo Cao Đài, bằng chứng cho lòng khoan dung đại độ với tất cả tôn giáo hiện hữu mà nó bao gồm, đặt cho mình mục đích chống lại tà giáo; gieo vào con người lòng yêu điều thiện và tình yêu đối với mọi tạo vật của Thượng Đế, thực hành đạo đức; dạy cách yêu mến sự công bằng và nhẫn nhịn"[7].

Từ góc độ kinh tế mà xét thì sự cởi mở của đạo Cao Đài là một vốn văn hóa rất tích cực cho sự phát triển kinh tế. Một trong các điều kiện cho sự phát triển kinh tế của một quốc gia chậm phát triển là quốc gia ấy có thu hút được vốn đầu tư hay không, nhất là vốn đầu tư và lao động nước ngoài. Tinh thần cởi mở của một dân tộc là yếu tố có tính nền tảng khiến nền kinh tế có được tính cách thông thoáng và mở cửa hơn để thu hút các nguồn lực này. Tinh thần này sẽ được tăng cường hơn nữa một khi có sự tác động của một tôn giáo cởi mở đối với thái độ dẫn đến hành vi kinh tế của dân tộc. Điều đó cho thấy, đạo Cao Đài, với đặc điểm vốn có của mình, có khả năng đóng góp cho sự phát triển kinh tế.

Về nội dung giáo lí, trên phương diện sinh sống hằng ngày, người tín đồ Cao Đài được dạy rằng phải tự lực cánh sinh, không được lười biếng hay ỷ lại vào bất cứ nguồn tài trợ nào mà không do sức lao động của chính mình tạo nên, kể cả giới chức sắc xuất gia cũng không được nhận sự cúng dường của nhân sinh[8].

---

5. Viện Thông tin khoa học xã hội, *Tôn giáo và đời sống xã hội*, tập 1, Nxb. Thông tin khoa học xã hội, Hà Nội, 1997, tr. 132.

6. E. Mangeloja, *Implications of the economics of religion to the empirical economic research*, tr. 7. Nguồn: http://129.3.20.41/eps/othr/papers/0310/0310004.pdf

7.G. Gobron, *Histoire et Philosophie du Caodaisme*, Paris, Éd. Devry, 1949, tr. 81.

8. Ngọc Diêu, *Nhân sinh quan Cao Đài*, http://www.caodaigiaoly.de/nhansinhquancaodai.html, truy cập ngày 22/10/ 2007.

Trên tinh thần này, tổ chức đạo đã tiến hành xây dựng các cơ sở kinh tế tự túc nhằm bảo đảm nguồn chi tiêu sinh hoạt cho những người tu hành, đồng thời tạo điều kiện cho họ có cơ hội đóng góp công quả cho việc phát triển đạo. Giáo lí nhấn mạnh rằng trong cuộc sống, mỗi người trước hết phải tự sức mình gây dựng nên đời sống vật chất của mình, đó là nền tảng vững chắc cho những bước tiến xa hơn trong hành trình hướng đến cuộc sống hạnh phúc và tự do, điều kiện của sự sung mãn tinh thần. Thánh giáo Cao Đài có đoạn viết: "ở trên đời này không ai đem cho cái vinh dự vĩnh cửu cho bằng chính mình tự làm nên cái vĩnh cửu đó, không ai ban bố sản nghiệp hạnh phúc vĩnh cửu cho bằng chính mình tự xây dựng sản nghiệp và hạnh phúc cho mình, không ai ban bố tự do độc lập vĩnh cửu cho bằng chính mình tạo điều kiện cho có tự do độc lập vĩnh cửu cho mình, vì hễ còn trông vào sự ban bố ắt là còn phải và sẽ phải mang món nợ. Hễ mang nợ có ngày phải trả mà nếu trả chưa được ắt là còn mang ơn. Hễ trong lòng còn mang ơn thì ắt không còn độc lập tự do hạnh phúc nữa, nếu không nói là nô lệ"[9].

Các tác giả Phương Tây cho rằng con người tôn giáo tỏ ra ít khoan dung và không có thiện cảm đối với quyền của người phụ nữ[10]. Các phân tích Xã hội học cho thấy một số tôn giáo có quan niệm khắt khe về phụ nữ, và trên thực tế, đã đẩy phụ nữ xuống hàng thứ yếu, chịu những điều kiện lệ thuộc vào nam giới. Với Hindu giáo, chức năng của người phụ nữ là phục vụ người chồng tương lai như "vị thần của chính mình", đảm bảo cho anh ta có con cháu và làm thỏa mãn ham muốn tình dục của anh ta; trong đời sống tôn giáo, họ bị loại khỏi con đường trở thành một ***brahmin*** và không trải qua những nghi thức chuyển tiếp. Với Islam giáo, tuy đã đem lại cho phụ nữ một địa vị xã hội trong lịch sử mà trước kia họ không có và trao cho họ một loạt quyền cụ thể, nhưng về cơ bản vẫn coi phụ nữ như một hạng người thấp kém, khiến họ bị loại ra khỏi một loạt những chức năng thiêng liêng chỉ dành riêng cho đàn ông[11].

Trường hợp này dường như không thấy xuất hiện trong đạo Cao Đài. Giáo lí Cao Đài tỏ ra có thái độ tôn trọng và đề cao vai trò của phụ nữ trong đời sống tôn giáo cũng như trong đời sống xã hội. Giữa nam giới và nữ giới có sự bình quyền. Thánh ngôn ngày 17/7/1926 dạy việc lập nữ phái Cao Đài có xuất hiện một thứ tư tưởng bình quyền (féminalisme) khi khẳng định: "bao nhiêu Nam tức bấy nhiêu Nữ. Nam biến thành Tiên Phật chứ Nữ lai không sao? Thầy nói Bạch Ngọc Kinh có cả Nam và Nữ, mà phần nhiều Nữ lấn quyền thế hơn Nam rất nhiều"[12]. Và trong các kinh văn các hệ phái Cao Đài cũng thường nhấn mạnh vai trò tích cực của phụ nữ trong các hoạt động xã hội như: lời của chơn linh Hương Vân Thánh Mẫu: "Nữ phái là một thực lực hữu hiệu trong việc từ thiện xã hội", hay lời của chơn linh Quan Âm Bồ Tát: "Việt dân tỉnh giấc mộng tràng, Nữ hùng sánh bước trên đường quang vinh"... Đúng như Trần Ngọc Thêm nhận xét: "Đạo Cao Đài cũng bộc lộ truyền thống âm tính, trọng phụ nữ của văn hóa dân tộc"[13].

Biểu hiện một cách vật chất của tinh thần ***trọng phụ nữ*** đó là việc người ta vẫn dành cho phụ nữ những vị trí quan

9. Cơ quan Phổ thông Giáo lí, *Thánh giáo sưu tập (1968-196)*, Sài Gòn, 1972, tr. 57-58.
10. E. Mangeloja, Sđd, tr. 7.
11. S. Acquaviva và E. Pace (Lê Diên dịch). *Xã hội học tôn giáo*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1998, tr. 232.
12. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Giáo hội Bến Tre, *Thánh ngôn hiệp tuyển*, Q. 1, Nxb. Tôn giáo, Hà Nội, 2006, tr. 38.
13. Trần Ngọc Thêm, *Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam*, Nxb. Tp. Hồ Chí Minh, 1997, tr. 598.

trọng trong hệ thống phẩm trật tôn giáo của đạo Cao Đài. Phụ nữ vẫn có thể thăng tiến đến chức Đầu sư, đồng thời họ cũng ngang bằng với nam giới khi cúng bái và có lễ phục riêng. Như vậy, địa vị của người phụ nữ, vốn bị hạ thấp trong xã hội truyền thống, được đạo Cao Đài tôn vinh và bảo vệ bằng cách thiết chế hóa địa vị ấy trong hệ thống tôn giáo. Có thể nói, trong diễn trình lịch sử Việt Nam hiện đại, đạo Cao Đài là một trong những tổ chức tôn giáo có tiếng nói và hành động thiết thực trong việc bảo vệ và phát huy vai trò phụ nữ trong tôn giáo cũng như trong xã hội. Có lẽ chính vì thế mà ngay buổi đầu lập Đạo, trong làn sóng người đổ về chùa Gò Kén để nhập môn, người ta thấy lượng phụ nữ quy đạo khá đông, như lời kể của bà Đầu sư Hương Hiếu: "Phái nữ thì tôi tiếp dẫn, đêm thì 90 vị, đêm thì 150 vị, thật là con cái Chí Tôn quy về tấp nập"(14).

Nhấn mạnh vai trò nữ giới trong xã hội (và trong tôn giáo) khi các điều kiện xã hội còn bị chi phối bởi tàn dư ý thức hệ Nho giáo thời phong kiến và bị kìm tỏa bởi chính sách ngu dân của chủ nghĩa thực dân xâm lược là một nỗ lực đáng quý của đạo Cao Đài vào những năm 20-30 của thế kỉ XX. Nỗ lực này là một giá trị mang tính lịch sử của đạo Cao Đài, với tư cách là một phần của văn hóa dân tộc, góp phần khích lệ phụ nữ tham gia vào các hoạt động xã hội, làm năng động hóa bộ máy xã hội. Trong bối cảnh phát triển kinh tế xã hội hiện nay, giá trị mang tính lịch sử này không thể nói là không có ý nghĩa đối với việc phát huy nguồn nhân lực, trong đó bình đẳng giới có vai trò đáng kể cho phát triển.

Giáo lí đạo Cao Đài khuyên dạy các tín đồ phải có thái độ đúng mức về vấn đề của cải, không được có thái độ quá coi trọng của cải trên thế gian mà xem nhẹ đạo đức, nếu không nói là đánh mất đạo đức của mình. Tập trung vào mục đích giáo dục này, đạo Cao Đài nhấn mạnh bản chất hư ảo của cái gọi là giàu sang của cải: "Giàu sang là do sự gom góp và chất chứa của cải quý giá trên cõi đời này. Của cải ấy gồm những gì? Vàng bạc, vương vị, nhung lụa... Vàng bạc chỉ là loại kim khí bình thường. Vương vị hoặc sắc hồng tươi thắm chỉ là màu thôi. Nhung lụa chỉ là đồ vật lấy trong thú chất làm ra. Các con cho các vật ấy là của cải thật sao. Xét từ chỗ xuất xứ của nó thì của cải ấy không có gì đáng kể"(15); và chỉ ra những hệ quả của việc con người mải lo chạy theo ham muốn tích lũy của cải vật chất mà không quan tâm trau dồi phẩm hạnh đạo đức của mình: "Của nhiều ít đức sương trên cỏ. Giành giật làm chi phải lụy mình"(16).

Nhưng điều đó không đồng nghĩa với việc đạo Cao Đài phủ nhận vai trò của của cải vật chất đối với đời sống của con người. Mọi tuyệt đối hóa vấn đề đều xa lạ với tinh thần tôn giáo này, bởi lẽ nó hấp thu được trong nó tinh thần "trung đạo của Phật giáo cựu truyền trong dòng chảy của văn hóa Việt Nam để tạo cho mình được tính khai phóng. Từ tính chất khai phóng này nó không hư vô hóa cái gọi là của cải vật chất, mà coi đó là một cơ sở cần thiết trong việc tạo dựng một đời sống hạnh phúc và sung mãn tâm linh. Như thế mà suy ra thì, đối với đạo Cao Đài, của cải vật chất không phải là mục đích, mà chỉ là một phương tiện cần để con người đi đến hạnh phúc, vốn là mục đích của đời người. Ở đây nó dạy cho con người ta tinh thần năng nổ, cần cù, chịu khó trong lao động sản xuất: "Người

14. Hương Hiếu, *Đạo sử*, quyển I và II, Thánh thất tộc đạo Westminster xuất bản, California, 1995, tr. 1996.
15. Tòa thánh Tây Ninh, *Thánh ngôn hiệp tuyển*, Quyển II, tr. 125.
16. Tòa thánh Tây Ninh, Sđd, tr. 128.

làm ruộng cũng phải có chí khí phấn đấu, là chịu dầm mưa trải nắng, quanh năm luống phận cần cù khai mở đồn điền cho rộng lớn, nông vụ tấn thời, cày cấy cho kịp thời tiết mùa màng, đến ngày kết quả mới có lúa nhiều để bảo tồn sự sống cho con người được ấm no đầy đủ"[17].

Sự phát triển của một nền kinh tế quốc gia phụ thuộc vào nhiều yếu tố, trong đó mặt bằng sức khỏe xã hội và mức độ trung thực của người dân khi tham gia vào các quá trình vận hành kinh tế là những nhân tố không kém phần quan trọng như các loại vốn khác. Theo kết quả nghiên cứu những năm gần đây về tác động của tôn giáo đối với thái độ kinh tế, các nhà kinh tế học cho thấy tôn giáo có thể tăng cường mức độ trung thực và giảm thiểu mức độ sa đọa hay hành vi phạm pháp; đồng thời nó khuyến khích con người ta thực hành tiết kiệm, nâng cao hơn mặt bằng sức khỏe (bằng cách giới cấm các hành vi "đầy tội lỗi" như ma túy, ăn uống vô độ, cờ bạc, rượu chè...). Mặt bằng sức khỏe xã hội cao hơn sẽ làm tăng sức sản xuất nhờ năng suất lao động[18]. Những nội dung trên cũng được biểu hiện trong giáo lí của đạo Cao Đài.

Giáo lí Cao Đài khuyên con người ta biết giá trị của lối sống tiết kiệm và coi đó như một tiêu chí của đạo đức. Một đời sống đạo đức là một đời sống biết tiết kiệm những gì mình có, còn ngược lại, xa hoa lãng phí được đồng nhất với đời sống vô đạo đức. Thánh ngôn năm 1926 có đoạn viết: "Các con đã rõ đạo thì phải biết đức cần kiệm là đức hạnh hàng đầu trong lúc các con còn ở thế gian này. Như việc lãng phí se sua ở đời này, Thầy cũng cho là một việc tổn đức vậy"[19].

Tinh thần tiết kiệm này thường vốn chỉ được coi là liên quan đến những hành vi kinh tế. Vì kinh tế mà người ta tiết kiệm, nhưng ở đây, từ chiều sâu của ý thức này, tinh thần ấy lại được củng cố bởi quá trình giáo dục của tôn giáo. Hơn nữa, giáo lí này còn tập trung phát huy đức tính trung thực nơi con người. *Không được nói dối* (bất vọng ngữ) là một trong năm điều giới cấm cơ bản cho hết thảy mọi người, từ tín đồ cho tới giới chức sắc. Biểu hiện cụ thể của bất vọng ngữ theo ngũ giới cấm là không được xảo trá, láo xược, không gạ gẫm người khác, không khoe khoang bản thân mình và đặt điều càn quấy cho người khác; cấm thái độ thay trắng đổi đen, hay nhạo báng, chê bai người khác, không được ăn nói lỗ mãng, thô tục, chửi rủa người khác, thất hứa hay phỉ báng tôn giáo. Đây là đạo đức của tôn giáo nhưng cũng là đòi hỏi thiết yếu cho tính hiệu quả của hoạt động kinh doanh. Như thế đạo đức Cao Đài lại tỏ ra có cái nhìn cùng chiều với đạo đức kinh doanh, nếu không nói là từ chiều sâu của hiện thực, nó có thể củng cố cho đạo đức kinh doanh được bền chặt bằng sức mạnh niềm tin tôn giáo của mình.

Tóm lại, giáo lí của đạo Cao Đài như trên cho thấy có những ý niệm và tư tưởng hữu ích đối với sự phát triển về kinh tế, có thể góp phần làm cho bộ mặt nền kinh tế trở nên nhân bản hơn, giúp người làm kinh tế trong guồng máy kinh doanh hạ nhiệt cơn khát lợi nhuận mà chú ý hơn tới việc xây dựng đời sống ấm no và hạnh phúc của cộng đồng. Do đó, trong nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội, thiết tưởng chúng ta cần quan tâm tới các giá trị đạo đức tôn giáo như một tác nhân tích cực./.

17. Huỳnh Văn Đến, *Giảng Đạo chơn ngôn*, Không rõ nơi xuất bản, 1957, tr. 32.
18. E. Mangeloja, *Sđd*. tr. 7.
19. Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ - Giáo hội Bến Tre, 2006, Sđd, tr. 69.